

Bản án số: 25/2019/HS-PT
Ngày: 15-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương;
Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nghiêm Đức Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 209/2018/TLPT-HS ngày 24 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Lê Tấn N. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Tấn N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo kháng cáo: Lê Tấn N, sinh năm 1988 tại tỉnh An Giang. Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn Đ và bà Huỳnh Thị Nh; vợ tên Vũ Thị B, có 02 người con (người con lớn sinh năm 2010 và người con nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/10/2018 cho đến nay; có mặt.

Trong vụ án còn có 23 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2016, Lê Tấn N được một người không rõ nhân thân, lai lịch giới thiệu đến gặp Nguyễn Văn O tại số nhà A, khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương để làm hồ sơ xin việc; từ đó N biết O nhận làm hồ sơ giả.

Khoảng tháng 02/2017, N biết nhiều người có nhu cầu làm hồ sơ xin việc sau nghỉ tết nên nảy sinh ý định nhận làm giả hồ sơ để có tiền tiêu xài. N đến gặp O và thỏa thuận giá làm giả hồ sơ xin việc là 150.000 đồng/bộ. N thu của người có nhu cầu làm hồ sơ từ 220.000 đồng đến 240.000 đồng. Ngoài hồ sơ xin việc làm, N còn thỏa thuận với O làm giả các giấy tờ khác như: Đơn xin xác nhận hạnh kiểm giá 50.000 đồng, N thu của người có nhu cầu 70.000 đồng; phiếu khám sức khỏe giá 40.000 đồng, N thu 50.000 đồng. N sử dụng số điện thoại 01664.505.765 và 0901.679.326, còn O sử dụng số điện thoại 0937.791.601 liên lạc với nhau.

Sau khi nhận hồ sơ, N điều khiển xe mô tô biển số 67D1-100.48 đến giao cho O, bộ hồ sơ giả gồm: 02 tờ sơ yếu lý lịch, 01 tờ đơn xin việc làm, 01 tờ đơn xin xác nhận hạnh kiểm đều có dán hình đóng dấu giáp lai, xác nhận của chính quyền địa phương còn nội dung để trống, 01 phiếu khám sức khỏe có dán hình được đóng dấu giáp lai và xác nhận của bệnh viện, 01 giấy chứng minh nhân dân photo và 01 sổ hộ khẩu photo được chứng thực có xác nhận của chính quyền địa phương còn phần thông tin để trống.

Khi N đến giao cho O làm giả hồ sơ, giấy tờ. Nếu O đi vắng thì Nguyễn Thị H (là vợ của O) sẽ giao nhận. Ngoài ra, N còn nhận làm dán, ép nhựa để thay đổi hình trên giấy chứng minh nhân dân với giá 20.000 đồng/giấy chứng minh nhân dân; nhận làm giả giấy chứng minh nhân dân photo và sổ hộ khẩu photo có chứng thực với giá 40.000 đồng/bộ. N giao cho O làm giả bằng giá tiền đã nhận, N không thu lợi bất chính.

Từ tháng 02/2017 đến ngày 14/3/2018, N đã nhận làm 476 bộ hồ sơ xin việc và giấy tờ giả các loại, thu số tiền 93.110.000 đồng, N giao cho O số tiền 64.780.000 đồng, N thu lợi bất chính số tiền 28.330.000 đồng. Tuy nhiên, công an chỉ thu giữ được 99 bộ hồ sơ, giấy tờ giả (trong đó có một số bộ hồ sơ, giấy tờ giả không đề ngày, tháng, năm; còn lại cùng đề năm 2018). Cụ thể:

1. Nhận dán hình giấy chứng minh nhân dân với giá 20.000 đồng/giấy chứng minh nhân dân cho 45 người, thu số tiền là 900.000 đồng và giao lại cho O, N không thu lợi bất chính.

2. Nhận làm giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu sao y giá 40.000 đồng/bộ cho 06 người, thu số tiền 240.000 đồng và giao lại cho O, N không thu lợi bất chính.

3. Nhận làm giấy xác nhận hạnh kiểm cho 07 người với giá 70.000 đồng, thu số tiền 490.000 đồng, N giao cho O với giá 50.000 đồng/giấy xác nhận hạnh kiểm, số tiền giao là 350.000 đồng, N thu lợi bất chính 140.000 đồng.

4. Nhận làm 01 bộ hồ sơ xin việc kèm theo dán, ép hình, làm thêm 01 giấy xác nhận hạnh kiểm với giá 320.000 đồng/bộ cho 21 người, thu 6.720.000 đồng. N giao cho O giá 230.000 đồng/bộ, số tiền giao là 4.830.000 đồng và N thu lợi bất chính số tiền 1.890.000 đồng.

5. Nhận làm 01 bộ hồ sơ xin việc kèm theo làm thêm 01 giấy xác nhận hạnh kiểm và 01 giấy khám sức khỏe với giá 340.000 đồng/bộ cho 04 người, số

tiền thu là 1.360.000 đồng. N giao cho O giá 240.000 đồng/bộ, số tiền giao là 960.000 đồng và N thu lợi bất chính số tiền 400.000 đồng.

6. Nhận làm 02 bộ hồ sơ xin việc giá 440.000 đồng/bộ, thu số tiền 880.000 đồng. N giao cho O giá 300.000 đồng/bộ, số tiền giao là 600.000 đồng, N thu lợi bất chính số tiền 280.000 đồng.

7. Nhận làm hồ sơ xin việc với giá 220.000 đồng và dán, ép hình với giá 20.000 đồng cho 61 người, số tiền thu là 14.640.000 đồng. N giao cho O giá 170.000 đồng/bộ, số tiền giao là 10.370.000 đồng, N thu lợi bất chính 4.270.000 đồng.

8. Nhận làm hồ sơ xin việc giá 220.000 đồng/bộ cho 299 người, số tiền thu là 65.780.000 đồng. N giao cho O giá 150.000 đồng/bộ, số tiền giao là 44.850.000 đồng, N thu lợi bất chính 20.930.000 đồng.

9. Nhận làm giấy khám sức khỏe giá 50.000 đồng/bộ cho 10 người và 21 giấy khám sức khỏe, số tiền thu là 1.050.000 đồng. N giao cho O với giá 40.000 đồng/bộ, số tiền giao là 840.000 đồng, N thu lợi bất chính 210.000 đồng.

10. Nhận làm hồ sơ xin việc kèm theo làm thêm 01 giấy khám sức khỏe, 01 giấy xác nhận hạnh kiểm và dán, ép hình giá 350.000 đồng cho 01 người. N giao cho O giá 250.000 đồng/bộ, số tiền giao là 350.000 đồng và N thu lợi bất chính 100.000 đồng.

11. Nhận làm 02 giấy xác nhận hạnh kiểm, 01 giấy khám sức khỏe và dán, ép hình giá 200.000 đồng cho 03 người, số tiền thu là 600.000 đồng. N giao cho O với giá 170.000 đồng/bộ, số tiền giao là 510.000 đồng, N thu lợi bất chính số tiền 90.000 đồng.

12. Nhận làm giấy khám sức khỏe với giá 50.000 đồng cho 02 người, thu số tiền 100.000 đồng. N giao cho O giá 40.000 đồng/bộ, số tiền giao 80.000 đồng và N thu lợi bất chính 20.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 80/GĐ-PC54 ngày 28/3/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Hình dấu tròn trên các tài liệu cần giám định (99 tài liệu) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Đối với các đối tượng Nguyễn Văn O và Nguyễn Thị H: Ngày 15/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra thông báo truy tìm đối tượng và thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Tấn N phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Lê Tấn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 19/11/2018, bị cáo Lê Tấn N làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Lê Tấn N là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Lê Tấn N nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Tấn N được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Tấn N đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Lê Tấn N có hành vi làm giả 99 hồ sơ xin việc và các giấy tờ khác, thu lợi bất chính 28.330.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nghĩa thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với tình tiết định khung “Làm giả 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo N là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo N biết rõ hành vi làm giả hồ sơ xin việc làm và các giấy tờ khác là trái pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo N bất chấp hậu quả, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Bị cáo N có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Tấn N về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Tấn N. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo N không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Mặc dù, gia đình bị cáo đã nộp hết số tiền thu lợi bất chính thay cho bị cáo nhưng đây không phải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo N xin giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[6] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo N phải nộp do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tấn N. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Lê Tấn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

2. Trả lại cho bị cáo Lê Tấn N số tiền 70.000 (bảy mươi ngàn) đồng, do bà Lê Thị Ng nộp tiền thu lợi bất chính thay cho bị cáo N còn thừa theo các Biên lai thu tiền số 09097 ngày 16/10/2018, số 08353 ngày 11/01/2019 và số 08355 ngày 30/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Tấn N phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- TAND huyện B;	2
- VKSND huyện B;	1
- Chi cục THADS huyện B;	1
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD;	1
- Công an huyện B;	1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Trại Tạm giam – Công an tỉnh BD;	1
- Bị cáo;	1
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu: HSVA, Tòa HS.	2

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Ngọc Thạch

